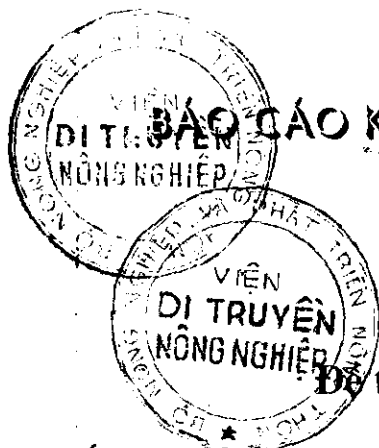


5354

ÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN DI TRUYỀN NÔNG NGHIỆP

2005



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHỌN TẠO GIỐNG ĐẬU TƯỜNG DT-95

TÁC GIẢ: PGS.PTS Mai Quang Vinh, GS.TS. Trần Văn Lại
KS. Ngô Phương Thịnh, KS. Trần Thuý Oanh,
PTS. Trần Đình Đông

HÀ NỘI - 11/1997

5354

27/05/05

Tác giả: PGS.PTS. Mai Quang Vinh, GS.PTS. Trần Văn Lại
KS. Ngô Phương Thịnh, KS. Trần Thuý Oanh,
PTS. Trần Đình Đông

I. Đặt vấn đề:

Cây đậu tương là cây chủ lực cung cấp nguồn protein thực vật cho nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Mức thiếu hụt đậu tương ở Việt nam hiện nay được đo bằng chỉ số giá đậu tương nội địa hiện là 6.000 đ/kg cao gần gấp đôi giá bình quân thế giới. Năm 1997 diện tích đậu tương VN tăng chậm, ước tính 140.000 ha với năng suất 1,0 tấn/ha, mới đáp ứng khoảng 40% nhu cầu, mức nhập hiện nay 0,2 triệu tấn/năm, dự báo đến năm 2000 VN sẽ thiếu 0,5 - 0,8 triệu tấn. Thực tiễn cho thấy, với giá trị 1 đậu tương = 3 - 4 thóc như hiện nay, cây đậu tương lại dễ dàng bố trí trong cơ cấu tăng vụ, góp phần giải quyết cơ bản vấn đề đất bỏ hoá 1 vụ như vụ xuân và hè thu ở miền núi, vụ đông ở đồng bằng sau 2 lúa, nhất định cây đậu tương sẽ được phát triển cả về diện tích lẫn sản lượng, đang là thứ cây góp phần xoá đói giảm nghèo, tăng tỷ trọng hàng hoá ở nhiều địa phương.

Nhiệm vụ đặt ra là phải có chính sách vĩ mô đồng bộ về chiến lược protein và dầu thực vật từ đậu tương, trong đó phải hoàn chỉnh bộ giống đậu tương có năng suất cao, ngắn ngày vừa phải để phù hợp với các cơ cấu luân canh, tăng và xen vụ, giống phải có khả năng thích ứng rộng, có phản ứng yếu với ánh sáng, sinh trưởng hữu hạn, trồng được liên tục 3 vụ/năm, chịu đựng được cả vụ nóng và vụ lạnh. Theo hướng này, từ năm 1990 Viện Di truyền Nông nghiệp đã chọn tạo thành công các giống đậu tương năng suất cao, thích ứng rộng như DT-84 (giống Quốc gia), DT-90, DT-94 (giống khu vực hoá), hiện đang chiếm 40 - 100% cơ cấu giống đậu tương ở nhiều địa phương.

Giống đậu tương AK-04 do Viện KHKTNN Việt nam chọn tạo từ cặp lai DH-4 x Santamaria, giống này có tiềm năng năng suất cao, thích ứng rộng, song do hạt màu xanh chưa đáp ứng thị hiếu tiêu dùng nên chưa được phổ biến rộng. Từ năm 1991, Viện DTNN phối hợp với Đề tài đậu đỗ KN-01-06 tiến hành công trình xử lý đột biến nhằm cải tạo nhược điểm hạt xanh của giống AK-04. Kết quả đã chọn tạo được giống DT-95 có hạt vàng và mang nhiều đặc điểm cải thiện hơn giống gốc.

II. Kết quả nghiên cứu chọn tạo DT-95 và phương pháp nghiên cứu

2.2. Nguồn gốc:

DT-95 được chọn tạo bằng phương pháp đột biến thực nghiệm, xử lý đột biến từ giống đậu tương AK-04 (hạt màu xanh) bằng tác nhân tia Gamma-Co⁶⁰/18Kr từ vụ hè thu năm 1991. Vụ đông 1992 (M₃) phân lập được dòng AK04/21 có hạt

màu vàng sáng. Chọn lọc dòng này tới M₇ chọn tạo được 1 dòng ổn định và được đặt tên là giống DT-95. Giống này đã tham gia khảo nghiệm Quốc gia tại 5 tỉnh và khảo nghiệm sinh thái tại Hưng lộc (Đồng nai), Hoàng su phì (Hà giang), Hà nội, Vĩnh phúc.. trong 3 năm 1995 - 1997 đều đạt năng suất cao nhất và được đánh giá là giống có triển vọng cho các vùng trồng đậu tương của cả nước trong cả 3 vụ xuân, hè và đông.

2.3. Phương pháp nghiên cứu:

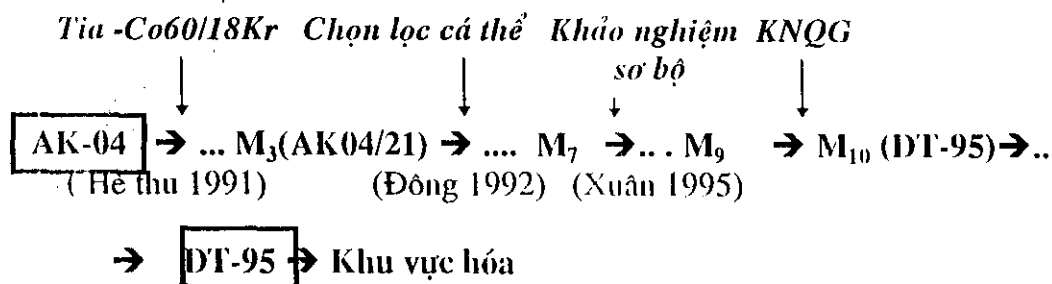
Sử dụng 0,5 kg hạt AK-04 khô (3000 hạt) do Trung tâm NCTN Đậu đỗ, Viện KHKTNN Việt nam cung cấp, đem chiếu xạ Gamma-Co⁶⁰, liều lượng 18 Kr. Hạt Mo được gieo vào vụ hè thu 1991.

Vụ xuân 1992 nhận được M₂, tiến hành phân tích các cá thể và phân lập được 237 đột biến có thay đổi màu sắc và hình dạng hạt, vụ đông 1992 trong quần thể M₃ nhận được 1 cá thể có phân ly màu hạt vàng. Tiếp tục chọn lọc cá thể đến M₇ nhận được 3 dòng ổn định có thời gian sinh trưởng bằng, sớm và muộn hơn giống gốc 5 ngày.

Từ M₇ - M₉ (1994): Khảo nghiệm sơ bộ, nghiên cứu đánh giá mức độ ổn định và các đặc tính sinh học, năng suất chất lượng, khả năng chống chịu tại Viện Di truyền Nông nghiệp.

Từ M₁₀ (Vụ xuân 1995): Dòng có TGST ngắn hơn giống gốc được đặt tên là **Giống DT-95** được gửi đi khảo nghiệm sinh thái tại Hà nội, Đồng nai, Hà giang, Cao bằng, Vĩnh phúc, Thái bình, Trạm Khí tượng Đồng bằng Sông Hồng (Nhơn, Hoài đức, Hà tây).. và tham gia khảo nghiệm Quốc gia tại 5 tỉnh từ vụ xuân 1996 đến vụ đông 1997.

Sơ đồ chọn tạo:



III. Kết quả nghiên cứu:

3.3. Đặc điểm chính của giống DT-95

DT-95 có đặc tính sinh trưởng hữu hạn, phản ứng yếu với độ dài ngày. Hoa tím, lá hình trứng nhọn, màu xanh sáng, lông nâu, ít lông. Cây cao 55 - 65 cm, có số đốt hữu hiệu lớn: 11 - 15 đốt cho quả, phân cành yếu. Quả khô có màu

xám, số quả chắc trung bình 20 - 35 quả,cao trên 150 quả. Tỷ lệ quả 3 hạt cao 30 - 40%. Hạt màu vàng sáng, rốn hạt nâu đen. P.1000 hạt = 150 - 160 g. Khả năng chống đổ trung bình. Chống chịu các bệnh gỉ sắt, sương mai, lở cổ rễ khá. Khả năng chịu nhiệt, chịu lạnh và thiếu lân khá. Thời gian sinh trưởng: 90 - 97 ngày. Năng suất thực tế: 15 - 36 tạ/ha. Năng suất lý thuyết: 40 tạ/ha (Bảng 1)

Bảng 1. ĐẶC ĐIỂM CỦA DT-95 (ĐIỀU KIỆN PHÍA BẮC)

STT	Đặc điểm	Vụ đông	Vụ hè, hè thu
1	Chiều cao cây	50 - 55	60 -80
2	Màu sắc lông	nâu	nâu
3	Màu hoa	tím	tím
4	Màu hạt	vàng	vàng
5	Màu rốn hạt	nâu đen	nâu đen
6	Thời gian gieo - ra hoa (50%)	37 - 40	38
7	Thời gian sinh trưởng	90 - 103	95
8	Số quả chắc/cây	25 - 30	30 - 35
9	Tỷ lệ quả 3 hạt (%)	15 -25	20
10	P.1000 hạt (g)	160	158
11	Khả năng chống bệnh nấm (gỉ sắt, sương mai, lở cổ rễ)	khá	khá
12	Khả năng chón chịu đổ rạp	trung bình	trung bình
13	Giới hạn chống chịu t ^o	> 12 - 13 ^o	<40 - 41 ^o
14	Thời vụ gieo	- Vụ đông: trước 1/10 - Vụ xuân: 15/2 - 1/4	25/5 - 1/7
15	Lượng phân bón áp dụng	40N + 60P ₂ O ₅ + 40K ₂ O + 8 tấn PC	20N+60P ₂ O ₅ + 40K ₂ O+8t PC
16	Năng suất lý thuyết (tạ/ha)	28 - 32	40
17	Năng suất thực tế (tạ/ha)	15 - 28	18 - 36

3.2. Kết quả khảo nghiệm cơ bản

3.2.1. Khảo nghiệm sơ bộ:

Tiến hành tại Viện Di truyền Nông nghiệp từ năm 1994 - 1995 theo sơ đồ thí nghiệm 3 vụ/năm để đánh giá, khảo sát các chỉ tiêu cơ bản về hình thái (chiều cao cây, số lá, cành, số đốt/thân chính, số quả/cây, số quả chắc/cây, tỷ lệ rụng hoa, tỷ lệ lép, trọng lượng 1000 hạt, năng suất lý thuyết (NSLT), năng suất thực tế (NSTT), thời gian sinh trưởng (TGST), khả năng chống chịu hạn úng, nóng lạnh, sâu bệnh, khả năng thích ứng, mức độ ổn định của giống qua các thế hệ. Kết quả khảo nghiệm liên tục 3 vụ/năm của năm 1995 trong điều kiện Từ Liêm - Hà nội cho thấy (B.2), DT-95 thích ứng và cho năng suất cao hơn tất cả các giống đối chứng:

Bảng 2. Kết quả khảo nghiệm sơ bộ giống đậu tương DT-95 năm 1995 (Từ Liêm - Hà Nội)

MÙA VỤ	Giống	TGST (ngày)	Cao cây (cm)	Số cành/cây	Số quả chắc/cây	P.1000 hạt (g)	NSLT (tạ/ha)	NSTT (tạ/ha)	% tăng NS so với ĐC
Vụ xuân (giao 25/2)	V74 (ĐC)	108	57,2	3,0	28,5	130,2	24,1	19,5	100,0
	AK04	105	60,3	2,9	2,9	156,7	26,5	22,5	115,4
	DT-95	103	78,3	3,1	35,5	158,2	35,6	26,7	136,9
	Cv%						5,82	5,13	
	LSD. 0,05 (tạ/ha)						13,3	12,8	
Hè thu (15/6)	ĐH4	89	50,2	2,9	26,2	165,2	27,3	20,4	100,0
	AK04	100	68,2	3,4	32,2	155,9	27,5	22,1	108,3
	DT95	94	79,8	3,5	38,6	157,1	34,7	26,0	127,5
	CV%						4,25	4,28	
	LSD. 0,05 (tạ/ha)						18,5	16,7	
Đông (5/10)	AK03	80	32,5	3,6	30,8	120,8	21,6	16,2	100,0
	AK04	93	55,8	2,9	25,5	161,8	24,6	18,6	113,5
	DT95	90	65,1	3,1	28,3	163,1	28,7	21,5	132,7
	CV%						6,25	6,13	
	LSD. 0,05						11,7	13,2	

- * **Vụ xuân:** thời tiết vụ xuân 1995 gây nhiều khó khăn cho sản xuất, nhiệt độ thấp hơn trung bình năm khoảng -1°C , bức xạ nhiệt giảm 20 - 30%, độ ẩm không khí cao, song DT-95 tỏ ra có sức chống chịu khá với các điều kiện bất lợi của thời tiết, với sâu bệnh hại, phân cành khá và cho năng suất cao hơn V-74 là giống chủ lực của vụ xuân ở phía Bắc tới 136,9%, hơn AK04 121,5% và cho NSTT xấp xỉ 1 tạ/sào BB với TGST ngắn hơn ĐC là 5 ngày, ngắn hơn giống gốc 2 ngày.
- * **Vụ hè:** DT95 chịu nóng khá, phân cành mạnh, cây vươn cao tới 79,8 cm, đặc điểm này cần hết sức lưu ý mật độ cây cho hợp lý, tránh gieo dày, áp dụng biện pháp bấm ngọn lúc bắt đầu phân cành (5 - 6 lá) để tăng sức chống đổ cho cây. Số quả chắc trên cây cao 38,2, tỷ lệ quả 3 hạt tới 21% đã là nguyên nhân đạt năng suất cao ở DT-95, tăng hơn ĐC là ĐH-4 127,5%, hơn giống gốc AK04 là 119,2%.
- * **Vụ đông:** TGST của DT-95 còn 90 ngày, thời gian ra hoa còn 32 ngày, ngắn hơn so với vụ xuân và hè. Song số quả trên cây vẫn đạt 28,3. DT-95 cho năng suất hơn giống ĐC AK03 là 132,7%, hơn giống gốc AK04 là 119,5%.

Kết quả thử nghiệm tiềm năng năng suất trong cả 3 vụ xuân, hè, đông 1995 cho thấy (B.3) cho thấy: DT-95 là giống có tiềm năng năng suất cao. Trong điều kiện đảm bảo tương đối độ ẩm, bón lót và bón thúc qua đất, sử dụng phân vi lượng qua lá Komix 3 lần phun lần thuốc sâu và duy trì mật độ cây vừa đủ, DT-95 cho năng suất cao trong cả 2 vụ xuân và hè thu:

Bảng 3. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TIỀM NĂNG NĂNG SUẤT CỦA DT-95

Mùa vụ	Mật độ	Mức áp dụng phân bón	NSLT (tạ/ha)	NSTT (tạ/ha)
Vụ xuân	35 cây/m ²	40N+60P ₂ O ₅ +40K ₂ O+8 t PC	35,6	27,9
Vụ hè thu	25 cây/m ²	20N+60P ₂ O ₅ +40K ₂ O+8t PC	34,7	26,0
Vụ đông	40 cây/m ²	50N+60P ₂ O ₅ +40K ₂ O+8t PC	30,5	25,4

Kết quả thử nghiệm khả năng chống chịu của DT-95 (B.4) cho thấy DT-95 chống chịu khá với bệnh gỉ sắt, sương mai ở vụ lạnh, bệnh đốm nâu vi khuẩn ở vụ nóng (hè và hè thu), bệnh lở cổ rễ. Chịu nóng và chịu lạnh khá. Chống chịu đổ ở mức trung bình. Chịu thiếu lân, đất chua khá.

Bảng 4. ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA DT-95
(số liệu tổng hợp của KNQG (1996 - 1997))

Chỉ tiêu c.chịu	Gỉ sắt	Sương mai	Lở cổ rễ	Đốm vi khuẩn	Sâu hại	Chịu thiếu lân	Chịu rét, nóng	Chống đổ
Điểm	2	2	2	2	3	2	2	2 - 3

Vì vậy trong các biện pháp thâm canh cần chú ý trồng thưa và tránh bón thúc đạm ở vụ hè để tăng cường sức chống đổ cho cây.

3.2.2. Khảo nghiệm Quốc gia:

DT-95 đã tham gia khảo nghiệm quốc gia 2 năm 1996-1997 ở các điểm Từ Liêm (Hà nội), Vũ di (Vĩnh phúc), ĐHNN3 (Thái nguyên), Thanh hoá, Duyên hải Miền Trung - Quảng Ngãi. Số liệu do Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng TW cung cấp (B.5):

Qua đó cho thấy:

-**Vụ xuân 1996:** DT-95 được đưa vào so sánh với 5 giống tại 3 điểm, ĐC là giống AK03, đạt năng suất cao nhất tại điểm Từ Liêm 28,46 tạ/ha (102,7 kg/sào) là kỷ lục chưa giống nào đạt được khi gieo vào vụ xuân 29/2, cao hơn gấp đôi năng suất AK03 (13,91), kết quả trung bình tại 3 điểm khảo nghiệm cho thấy DT-95 cho năng suất cao nhất trong tập đoàn, hơn giống ĐC 156,3%.

Bảng 5. KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM QUỐC GIA 1996 - 1997

STT	Tên giống	Điểm khảo nghiệm					NS bình quân
		Từ liêm	Bắc thái	Thanh hoá	Vĩnh phúc	Quảng ngãi	
Vụ xuân 1996							
1	AK03(ĐC)	13,91	18,00	8,70			13,53
2	DN42	19,13	18,00	16,60			17,91
3	TLA57	25,32	19,33	0,957			18,07 **
4	D96-02	22,49	12,33	10,20			15,00
5	DT-95	28,46	21,33	15,50			21,76 *
Vụ xuân 1997							
1	V-74(ĐC)	15,31	17,66		23,28	22,60	20,40
2	MTĐ-176	-	16,30		22,37	32,10	27,23*
3	MTĐ-65	-	14,30		23,60	23,60	20,50
4	Đ9602	14,76	13,60		26,20	27,10	22,70 **
5	DT-95	20,50	19,30		24,68	35,90*	27,02 *
6	DT-94	17,63	23,20		24,15	22,00	21,26
Vụ đông 1996							
1	AK03 (ĐC)		5,84	7,80	10,80		8,14
2	Đ96-02		7,31	9,80	10,90		9,33 **
3	DT-95		5,78	11,20	14,60		10,52 *
Vụ hè thu 97							
1	V74 (ĐC)					18,83	18,83
2	MTD-176					23,83	23,83 **
3	MTD-65					17,66	17,66
4	Đ-9602					19,16	19,16
5	DT-95					25,16	25,16 *

- **Vụ xuân 1997:** Khảo nghiệm lần II vụ xuân ở 4 điểm , giống ĐC là V-74, tại tất cả các điểm DT-95 đều vượt năng suất hơn ĐC, đặc biệt tại Quảng Ngãi đạt năng suất tới 35,90 tạ/ha, hơn ĐC 158,8% với thời gian sinh trưởng 90 ngày, tại Từ liêm hơn ĐC 133,8%. Trung bình cả 4 điểm DT-95 cho năng suất vào loại đứng đầu trong tập đoàn khảo nghiệm.

- **Vụ đông 1996:** Khảo nghiệm tại 3 điểm, giống ĐC là AK03, ngày gieo tại Thál nguyên 13/10/96 và tại Cao đẳng Thanh hoá kéo dài tới 27/10 là quá muộn không đúng với thời vụ qui định của giống. Tuy vậy DT-95 vẫn cho năng suất đứng đầu, hơn giống ĐC 129,2%.

- **Tại Quảng Ngãi:** Vụ hè thu 1997, DT-95 được đưa vào so sánh với 5 giống khác, giống ĐC là V-74, tại đây giống này cho năng suất cao nhất tập đoàn 25,16 tạ/ha hơn ĐC 133,6%, hơn giống chủ lực của phía Nam 105,6%.

Như vậy có thể rút ra:

- Về năng suất: tại các vùng sinh thái từ Bắc vào Nam, DT-95 tỏ ra có khả năng thích ứng rộng, cho năng suất đứng đầu trong các tập đoàn khảo nghiệm ở các mùa vụ trong năm. Đặc biệt, năng suất càng tăng cao, TGST càng rút ngắn lại khi càng di thực vào Nam, ở Quảng Ngãi năng suất đạt cao nhất 35,9 tạ/ha với TGST rút ngắn còn 90 ngày, chứng tỏ giống này có hiệu suất quang hợp, năng suất sinh vật học và hệ số kinh tế rất cao.
- Về khả năng chống chịu, các báo cáo đều cho thấy DT-95 có khả năng đề kháng khá với các loại sâu bệnh, khả năng chống đổ trung bình hoặc khá.
- Qua 2 năm khảo nghiệm quốc gia và khảo nghiệm vùng DT-95 đều đạt năng suất cao, chứng tỏ giống có tính ổn định cao về mặt di truyền.

3.2.3. Kết quả khảo nghiệm sinh thái

DT-95 đã được chuyển đi sản xuất thử và khảo nghiệm sinh thái tại nhiều địa phương trong cả nước:

- Tại Trung tâm KHKTNN Hưng lộc, Đồng nai (B.6), DT-95 và DT-94 cho năng suất cao nhất, hơn giống ĐC tại địa phương HL-2 104,5%, chống chịu bệnh lá vào loại khá (điểm 2).

Bảng 6. KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM SINH THÁI MỘT SỐ GIỐNG ĐẬU TƯƠNG NHẬN ĐƯỢC NĂM 1995 TẠI HUNG LỘC, THỐNG NHẤT, ĐỒNG NAI

Tên giống	TGST (ngày)	Cao cây (cm)	Quả chắc /cây	P.1000 (g)	Màu hạt	NS (T/ha)	Bệnh lá (1 -5)
HL-2	85	50	37,0	125	vb/h	2,2	2
DT 84	83	52	28.5	142	vn/d	2.1	2
DT 90	80	37	25.5	135	vb/h	1.7	3
DT 94	83	56	34.0	140	vn/d	2.5	2
DT 95	82	68	32.0	140	vn/d	2.3	2
QT95	80	49	30.0	138	vn/d	2.1	2

-Tại các điểm Hoàng su phì (Hà giang), Vũ thư (Thái bình), Gia lâm (Hà nội), Tràm Khí tượng Đồng bằng sông Hồng - Nhỏn, Hoài đức (Hà tây) vào các vụ xuân và đông, tại các HTX Nghĩa hưng - Vĩnh tường, , Yên đài - Yên lạc, Yên bài - Mê linh, Vĩnh phúc v.v.. vào vụ hè thu 1997, DT-95 cho năng suất cao hơn 157,1% so với giống địa phương và đạt trung bình 1,8 - 2,0 tấn/ha trong sản xuất thử.

- Các Hội nghị đánh giá cây đậu tương giống mới toàn tỉnh Hà giang tháng 7/1997, Hội nghị Khuyến nông đậu tương của Trung tâm Khuyến nông Vĩnh phúc tháng 8/1997 vừa qua, giống đậu tương DT-95 đều được đánh giá tốt và được khuyến khích đưa rộng ra sản xuất. Tổng cộng diện tích DT-95 ước lượng sau 3 năm chuyển giao trên 10 tỉnh trên địa bàn cả nước khoảng trên 500 ha, vì điều kiện kinh phí có hạn Đề tài chưa đáp ứng được nhu cầu theo dõi và thống kê chính xác diện tích DT-95 trong sản xuất (B.7).

Bảng 7. KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM SẢN XUẤT TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Tên địa phương	Thời vụ	Diện tích (ha)	Năng suất (T/ha)
Hoàng su phì (Hà Giang)	Vụ xuân, hè thu	53	1,5 - 1,8
Gia lâm, Đông anh (Hà Nội)	Vụ xuân, hè, đông	60	1,8 - 2,8
Vũ thư, Đông hưng (TB)	Vụ xuân, đông	25	1,8 - 2,5
Hoài đức, Đan phượng, Phú xuyên, Ba vì (HT)	Vụ xuân, hè, đông	100	1,8 - 2,8
Tiên sơn, Việt yên (HB)	Vụ xuân, hè thu	50	1,5 - 2,5
Mê linh, Yên lạc, V.tường, Tam đảo (VP)	Vụ xuân, hè, đông	100	1,8 - 2,9
Phổ yên, Đồng hỷ, Phú lương (TN)	Vụ xuân, hè, thu	55	1,5 - 1,8
Hoà an, Q. hoà, Cao bằng	Vụ xuân và hè thu	42	1,5 - 2,4
Quảng ngãi	xuân và hè thu	15	25 - 36
Tổng cộng:		500 ha	

IV. Kết luận và đề nghị:

4.4. Kết luận:

- 4.1.5. Bằng đợt biến thực nghiệm một lần nữa chúng tôi có thể sửa chữa các nhược điểm về mặt hình thái, đồng thời cải thiện được mặt năng suất khả năng chống chịu của giống AK-04 theo hướng có lợi. DT-95 là một đợt biến của giống này đã cải thiện được tính trạng hạt xanh, tăng năng suất và khả năng chống chịu, khả năng thích ứng một cách đáng kể.
- 4.1.6. Kết quả khảo nghiệm Quốc gia và khảo nghiệm vùng đã chứng tỏ, DT-95 tỏ ra có khả năng sinh trưởng khoẻ, đã cho năng suất vượt năng suất (có trường hợp đến 200%) so với tất cả các giống ĐC và các giống mới chọn tạo gần đây ở trong các vùng sinh thái từ cực Bắc vào cực Nam.
- 4.1.7. DT-95 có tính ổn định về mặt di truyền và sinh thái cao, có thể áp dụng cho năng suất cao trong các mùa vụ nóng và lạnh ở các tỉnh phía Bắc, vụ I và II ở các tỉnh phía Nam.
- 4.8. Đề nghị: Kính đề nghị Hội đồng khoa học Viện Di truyền Nông nghiệp và Hội đồng Khoa học Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận và cho phép khu vực hoá giống đậu tương DT-95 trên các địa bàn sản xuất đậu tương của cả nước.

Hà nội, ngày 25 tháng 11 năm 1997
TM/TẬP THỂ TÁC GIẢ CHỌN TẠO



PGS.PTS. Mai Quang Vinh